CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

FireAnt

CTCP Sông Ba

Ngày 31/12/2025	28,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-0.5%**	**-2.9%**

DT thuần
Q4/25
155
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 53.0| 51.5%
YoY: ▲ 54.0| 53.0%

LN thuần
Q4/25
84.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.9| 63.4%
YoY: ▲ 30.1| 55.0%

LN sau thuế
Q4/25
68.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.5| 63.8%
YoY: ▲ 23.3| 52.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
55.0%
YoY: +/-▲ 2.2%

ROE
2025
16.8%
YoY: +/-▲ 5.3%

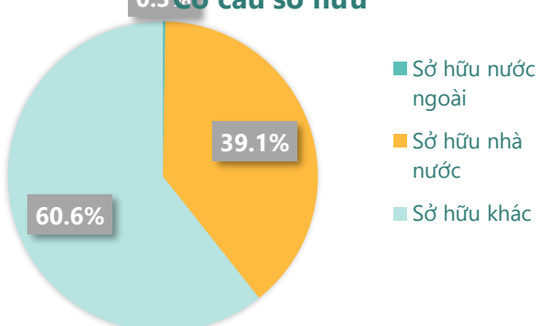
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	27,705 - 31,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,745
Số lượng CPLH (CP)	60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,475
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.04
EPS	2,814
P/E	10.3

DT thuần
2025
397
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 133| 50.2%

LN thuần
2025
212
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 80.0| 60.7%

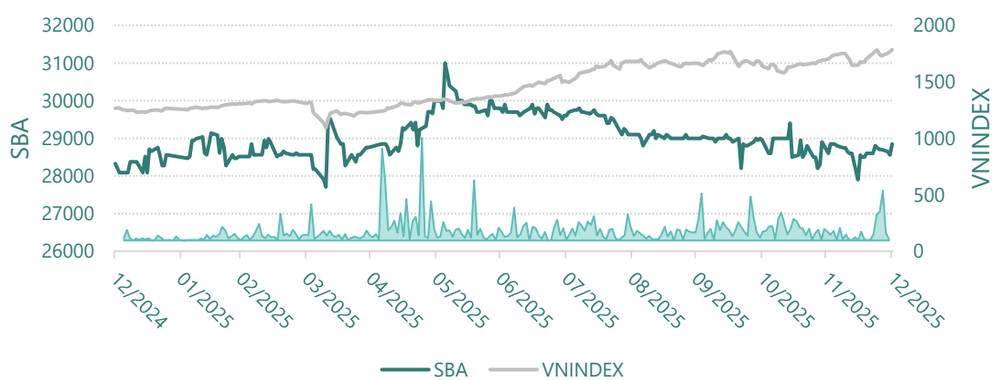
LN sau thuế
2025
170
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.0| 49.9%

Cơ cấu sở hữu

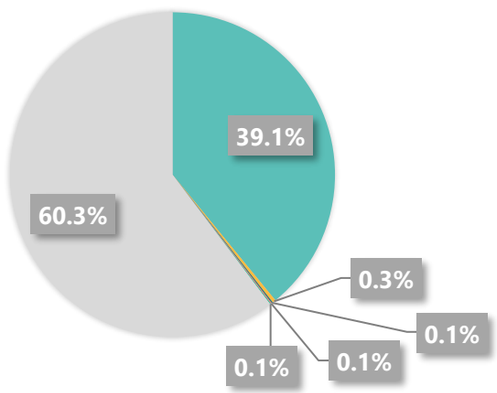


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

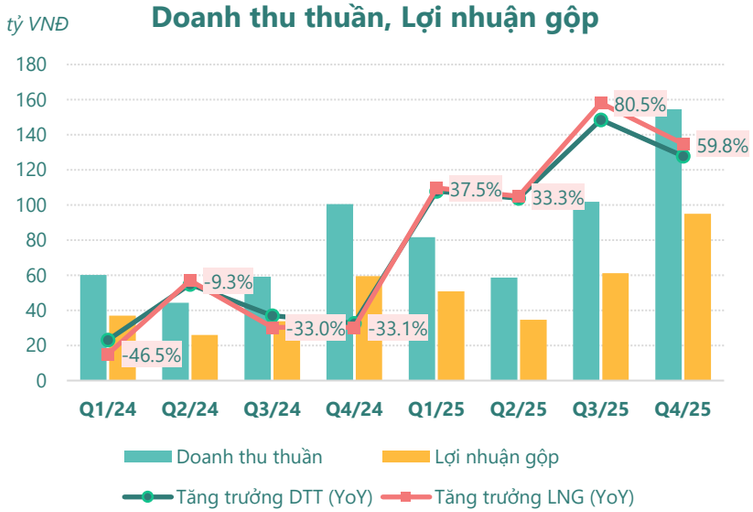


- Tổng Công ty điện lực miền Trung
- Phạm Phong (Thành viên HĐQT)
- Thái Văn Thắng
- Nguyễn Hữu Tâm
- Hoàng Nam Sơn (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

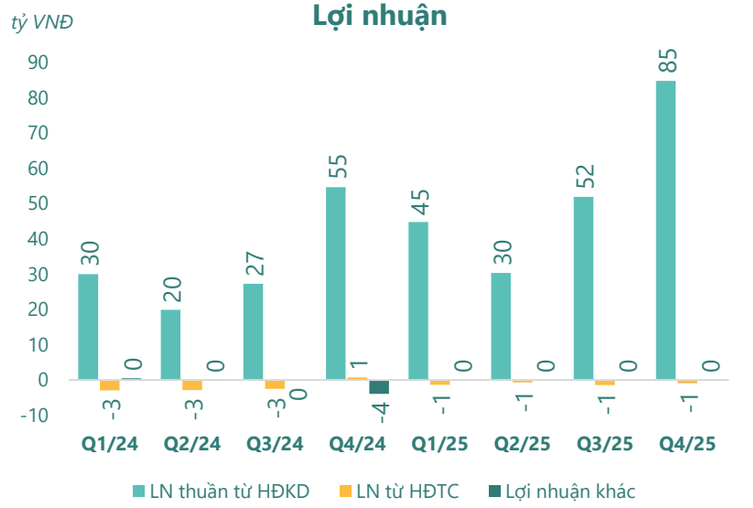
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



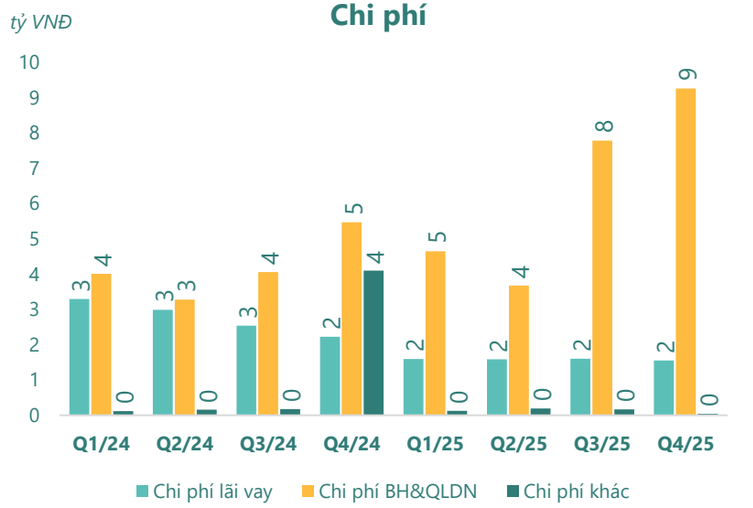
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



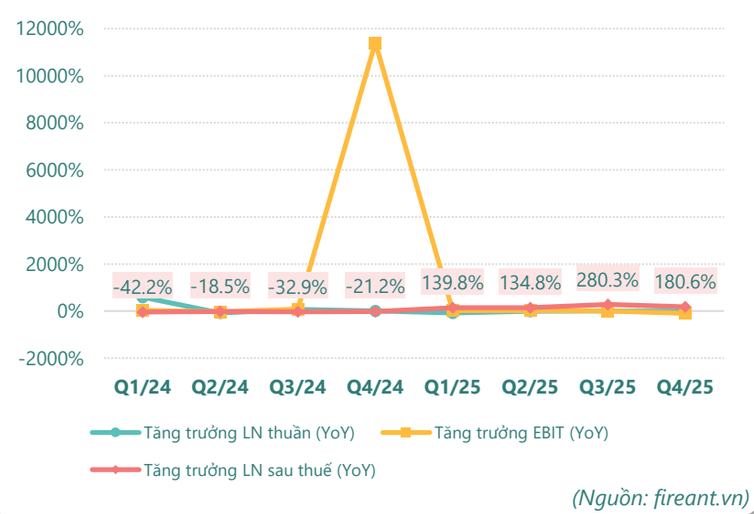
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



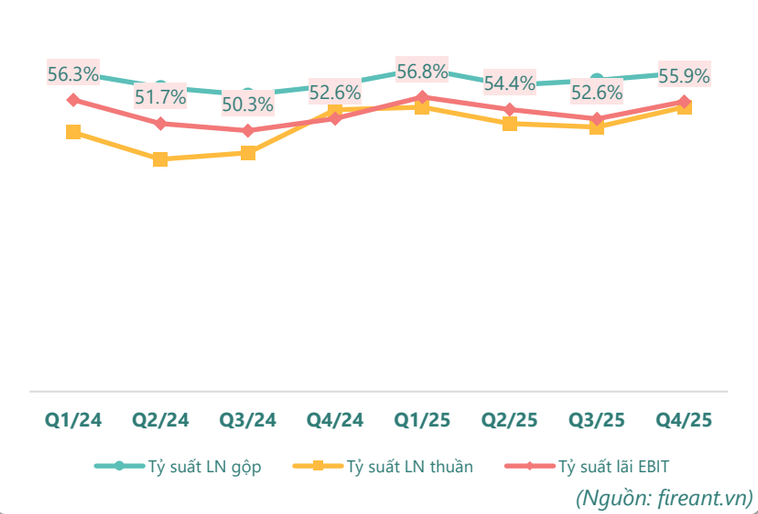
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

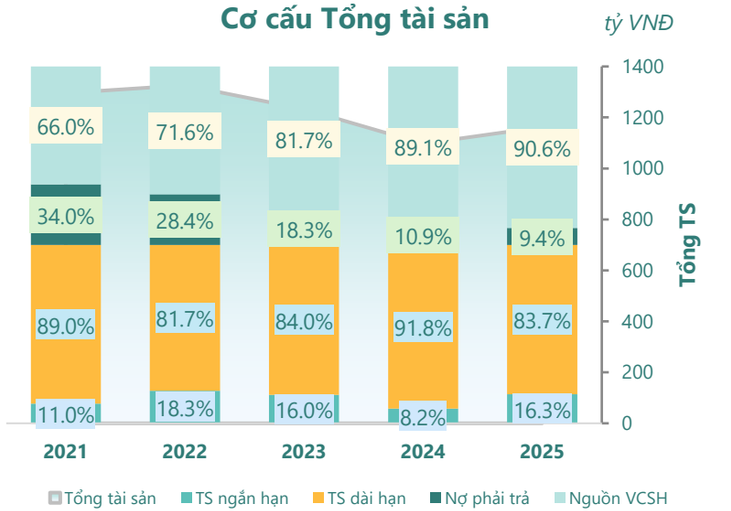
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

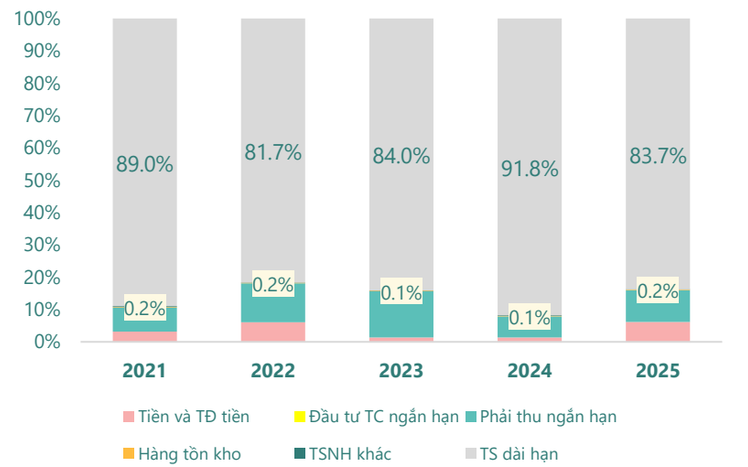
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



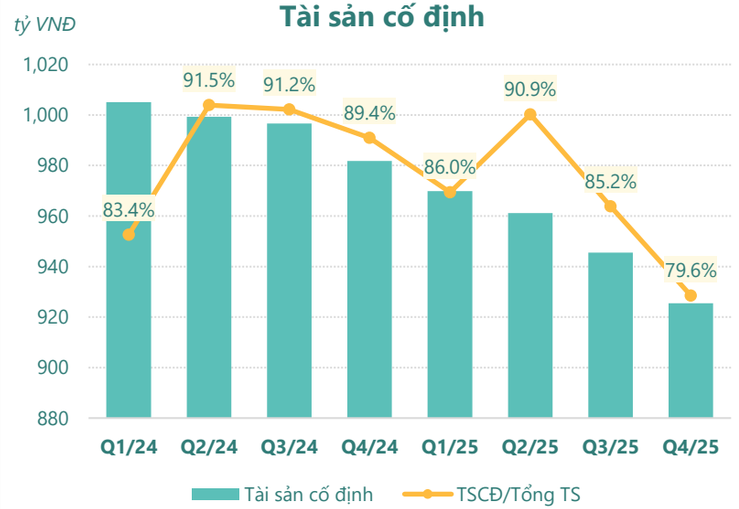
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



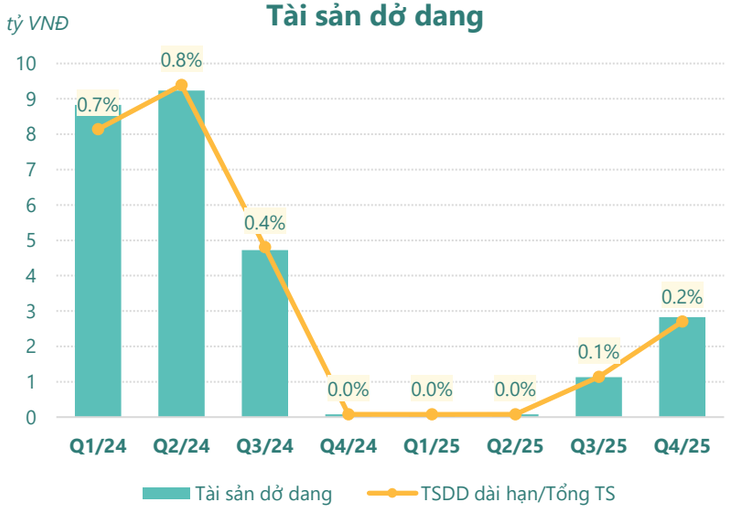
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



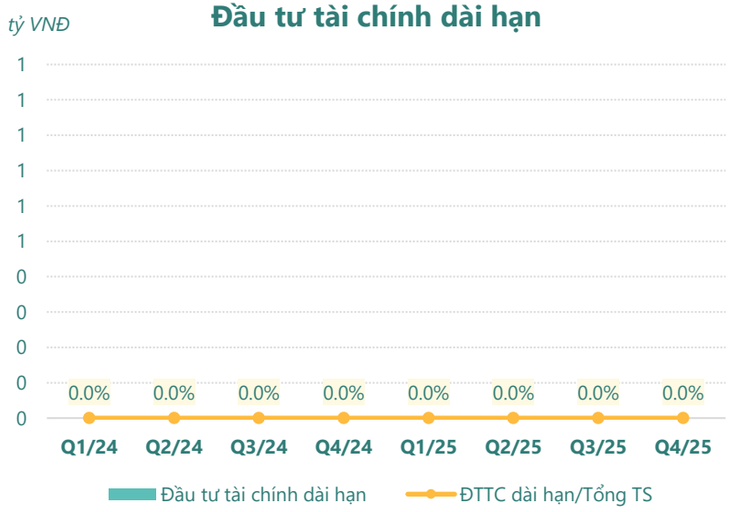
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



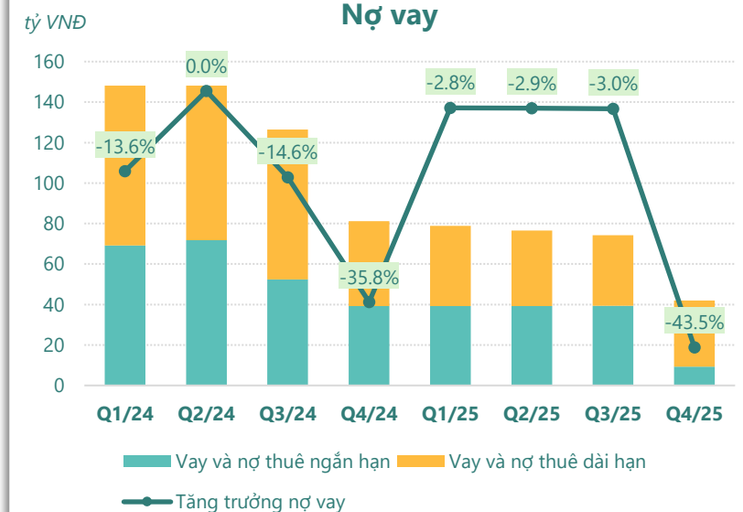
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

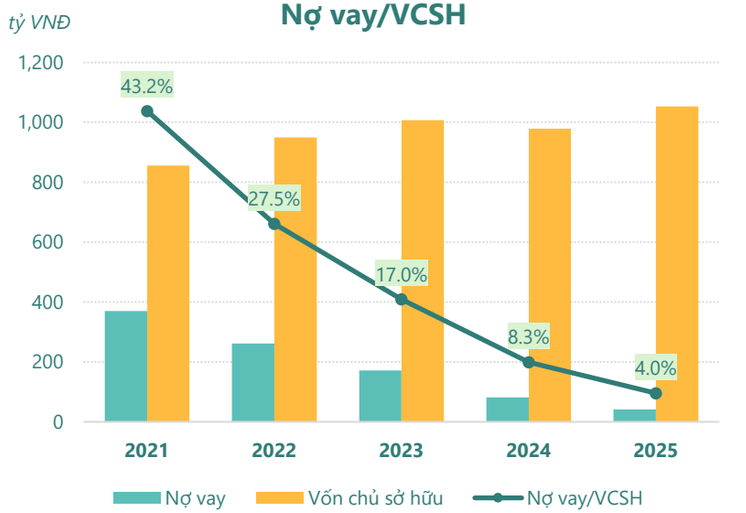
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

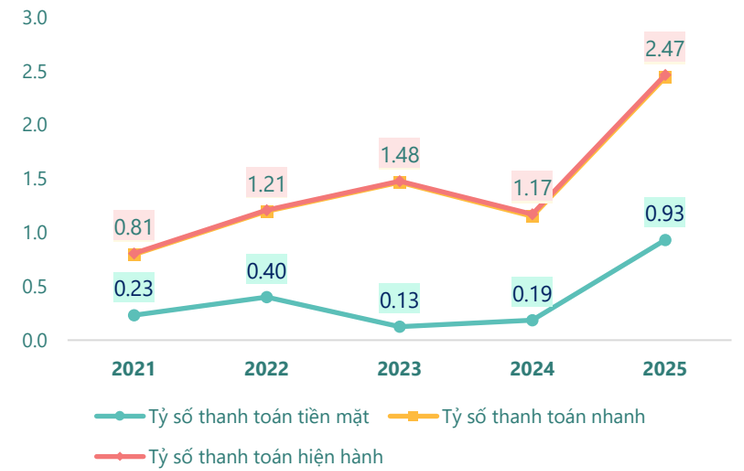
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



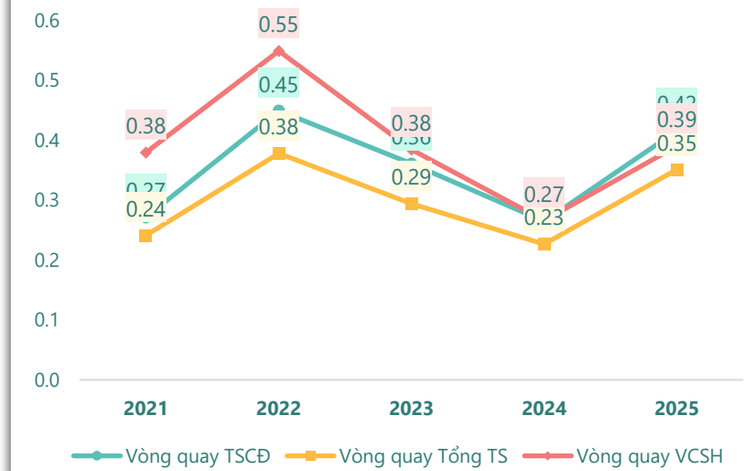
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



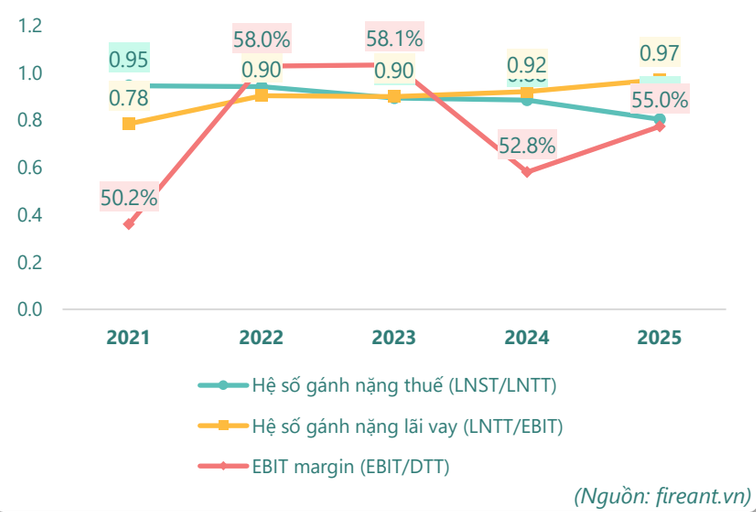
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



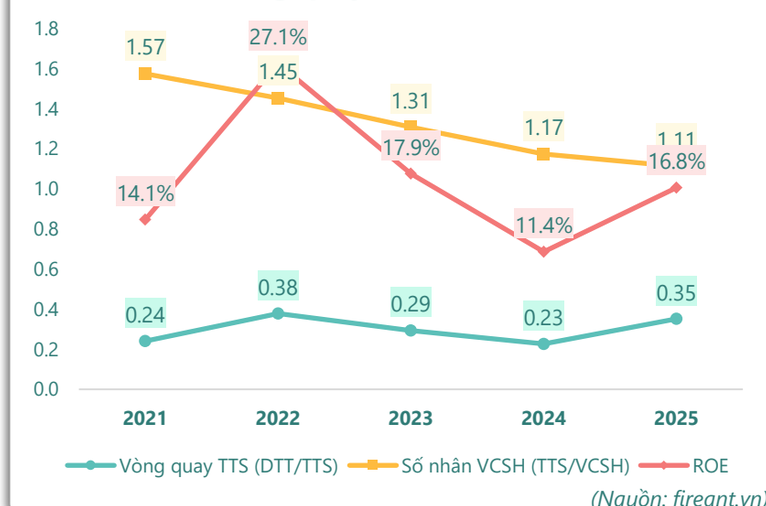
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



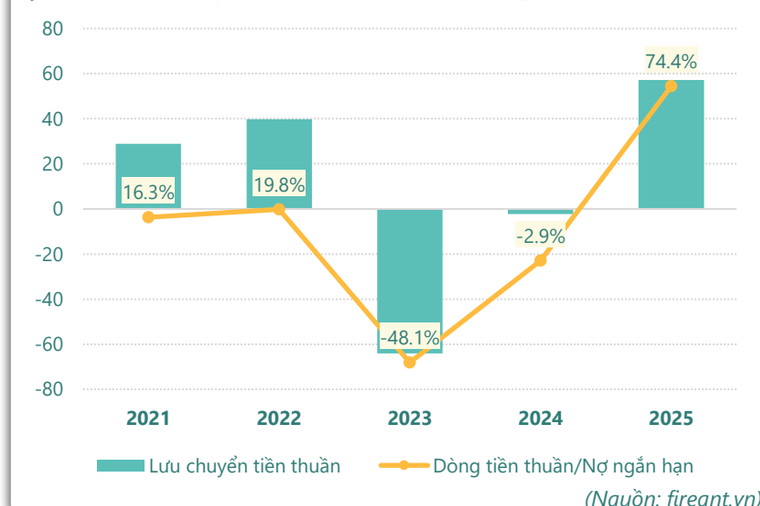
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**155**	**101**	**53.0%**	**397**	**264**	**50.2%**
Giá vốn hàng bán	59.5	41.1	44.8%	155	108	43.7%
Lợi nhuận gộp	95.0	59.4	59.9%	242	156	54.6%
Doanh thu HĐTC	0.64	2.94	-78.4%	2.03	4.06	-50.0%
Chi phí TC	1.58	2.25	-29.8%	6.43	11.7	-45.1%
Chi phí lãi vay	1.55	2.22	-30.0%	6.33	11.1	-42.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**9.26**	**5.47**	**69.4%**	**25.4**	**16.8**	**50.9%**
LN thuần từ HĐKD	84.8	54.7	55.0%	212	132	60.7%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-3.96**	**102%**	**0.08**	**-3.42**	**102%**
LN trước thuế	84.9	50.7	67.4%	212	128	65.1%
Lợi nhuận sau thuế	**68.0**	**44.7**	**52.1%**	**170**	**114**	**49.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**68.0**	**44.7**	**52.1%**	**170**	**114**	**49.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.93	46.2	64.9	37.5	31.3	51.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.34	2.55	0.04	0.95	-0.07	0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	-45.5	-2.55	-89.2	-5.03	-32.6
Tiền đầu kỳ	31.6	11.2	14.4	76.8	26.0	52.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-20.5**	**3.23**	**62.4**	**-50.8**	**26.2**	**19.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.2	14.4	76.8	26.0	52.2	71.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,162**	**1,098**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	190	90.3	110%
Tiền và tương đương tiền	71.6	14.4	398%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	115	72.4	58.3%
Hàng tồn kho	1.77	1.45	21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	2.10	-21.0%
Tài sản dài hạn	**973**	**1,007**	**-3.4%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.02	25.0%
Tài sản cố định	925	982	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.83	0.08	3554%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**44.4**	**25.8**	**72.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	110	119	-8.0%
Nợ ngắn hạn	**76.9**	**77.2**	**-0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.32	39.2	-76.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.92	0.76	416%
Nợ dài hạn	32.6	42.0	-22.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.6	42.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,053**	**979**	**7.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,053**	**979**	**7.6%**
Vốn điều lệ	605	605	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)